



Triet Hoc - Quan điểm toàn diện, lịch sử cụ thể

triết học (Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN



BÀI TẬP LẦN 7
Môn: Triết học Mac-Lênin
Nhóm 13

Thành phố Hồ Chí Minh – 2022

Đề bài: Phân tích quan điểm toàn diện, lịch sử cụ thể, quan điểm phát triển. Phân tích về vấn đề hội nhập của Việt Nam. Từ đó liên hệ hoạt động của bản thân.

NỘI DUNG BÀI LÀM

I. Quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ thể, quan điểm phát triển

1. Quan điểm toàn diện

Quan điểm toàn diện: là quan điểm khi xem xét và nghiên cứu sự vật phải nghiên cứu tất cả các mặt, các yếu tố kể cả các mặt khâu trung gian, gián tiếp có liên quan đến sự vật.

Quan điểm toàn diện yêu cầu:

- Xem xét tất cả các mặt, các mối liên hệ, kể cả các mặt khâu trung gian trong những điều kiện không gian thời gian nhất định.
- Trong vô vàn các mối liên hệ, cần rút ra được đâu là mối liên hệ cơ bản, chủ yếu nhằm xác định bản chất của sự vật, hiện tượng.
- Chống lại cách xem xét siêu hình, phiến diện, một chiều.
- Chống lại cách xem xét cào bằng, dàn trải (coi mọi mối liên hệ như nhau); có nghĩa là chống lại chủ nghĩa chiết trung về mối liên hệ.
- Chống lại thuật nguy biện (quy cái thứ yếu thành cái chủ yếu, quy cái không cơ bản thành cái cơ bản, bằng lí lẽ, lập luận tưởng rằng có lí nhưng thực chất là vô lí).
- Chống lại chủ nghĩa chiết trung (một cách vô nguyên tắc, chủ quan những cái không thể kết hợp được với nhau hoặc coi những mối liên hệ là “ngang bằng” nhau, không có sự phân biệt về vai trò của chúng).

2. Quan điểm lịch sử - cụ thể

Quan điểm lịch sử cụ thể: là quan điểm khi xem xét sự vật phải nghiên cứu nó trong điều kiện thời gian và không gian nhất định.

Quan điểm lịch sử - cụ thể yêu cầu:

Khi xem xét các sự vật, hiện tượng cần phải đặt chúng:

- Trong điều kiện, môi trường cụ thể; trong từng hoàn cảnh lịch sử - cụ thể.

- Trong từng điều kiện không gian, thời gian cụ thể nhất định.
- Trong từng mối liên hệ, quan hệ nhất định.

Cần xét đến tính chất đặc thù của đối tượng nhận thức và các tình huống khác nhau phải giải quyết trong thực tiễn.

Cần phải xem xét sự vật, hiện tượng trong quá trình phát sinh hình thành, phát triển đa dạng của chúng.

Cần nghiên cứu sự vật, hiện tượng trong sự vận động, phát triển ở từng giai đoạn cụ thể nhất định.

3. Quan điểm phát triển

Phát triển: là quá trình phát sinh và giải quyết mâu thuẫn khách quan vốn có của sự vật, hiện tượng; là quá trình thống nhất giữa phủ định các nhân tố tiêu cực và kế thừa, nâng cao nhân tố tích cực từ sự vật, hiện tượng cũ trong hình thái của sự vật, hiện tượng mới.

Nguyên lý về sự phát triển là cơ sở lý luận khoa học để định hướng việc nhận thức thế giới và cải tạo thế giới. Theo nguyên lý này, trong mọi nhận thức và thực tiễn cần phải có quan điểm phát triển.

Tính chất của quan điểm phát triển:

- Tính khách quan: của sự phát triển được biểu hiện trong nguồn gốc của sự vận động và phát triển. Đó là quá trình bắt nguồn từ bản thân của sự vật, hiện tượng là quá trình giải quyết mâu thuẫn của sự vật, hiện tượng đó. Tính chất này là thuộc tính tất yếu không phụ thuộc vào ý thức con người.
- Tính phổ biến của sự phát triển: được thể hiện ở các quá trình phát triển diễn ra trong một lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy; trong tất cả mọi sự vật và hiện tượng trong quá trình, mọi giai đoạn của sự vật hiện tượng đó. Trong mỗi quá trình biến đổi đã có thể bao hàm khả năng dẫn đến sự ra đời phù hợp với quy luật khách quan.
- Tính đa dạng, phong phú của sự phát triển: phát triển là khuynh hướng phát triển của sự vật hiện tượng song mỗi sự vật hiện tượng lại có quá trình phát triển không giống nhau, tồn tại ở những thời gian, không gian khác nhau, chịu những ảnh hưởng khác nhau và sự tác động đó có thể làm thay đổi chiều hướng quá trình phát triển của sự vật, đôi khi có thể làm sự vật, hiện tượng thụt lùi tạm thời.

Ý nghĩa của quan điểm phát triển:

- Nguyên lý về sự phát triển chính là cơ sở lý luận khoa học để có thể định hướng được việc nhận thức thế giới và cải tạo thế giới.
- Nguyên lý về sự phát triển cho thấy trong hoạt động nhận thức và trong hoạt động thực tiễn của con người cần phải tôn trọng quan điểm phát triển phát triển, đòi hỏi khi nhận thức cũng như khi giải quyết một vấn đề nào đó thì con người cần phải đặt chúng ở trạng thái động và nằm trong khuynh hướng chung của sự phát triển.
- Để nhận thức và giải quyết được bất cứ những vấn đề gì trong thực tiễn thì một mặt cần phải đặt sự vật theo khuynh hướng đi lên của nó. Phải nhận thức được tính quanh co, phức tạp trong quá trình phát triển.
- Xem xét sự vật theo quan điểm phát triển còn phải biết phân chia thành các quá trình phát triển của sự vật thành những giai đoạn. Trên cơ sở này tìm ra phương pháp nhận thức và những cách tác động phù hợp nhằm thúc đẩy sự vật tiến triển nhanh hơn hoặc là kìm hãm sự phát triển của nó tùy thuộc vào sự phát triển đó có lợi hay là có hại đối với đời sống của con người.
- Vận dụng quan điểm về sự phát triển vào hoạt động thực tiễn nhằm mục đích thúc đẩy các sự vật phát triển theo đúng như quy luật vốn có của nó đòi hỏi chúng ta cần phải tìm ra được những mâu thuẫn của sự vật qua hoạt động thực tiễn từ đó giải quyết được mâu thuẫn và tìm ra được sự phát triển. Phải khắc phục từ tư tưởng bảo thủ, định kiến, trì trệ,... Phải đặt sự vật, hiện tượng theo khuynh hướng đi lên.

II. Phân tích về vấn đề hội nhập của việt nam

1. Tích cực

Thứ nhất, nhà nước sẽ có cơ hội vay vốn của các nước khác để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng trong nước, từng bước chuyển dịch cơ cấu sản xuất và cơ cấu nhập khẩu theo hướng hiệu quả hơn.

Thứ hai, thị trường sẽ được mở rộng. Nhà nước có thể xuất khẩu hàng hoá ra nước ngoài mở rộng thị trường nước ngoài, hình thành cơ cấu kinh tế quốc tế mới với những ưu thế về quy mô, nguồn lực phát triển, tạo việc làm, cải thiện thu nhập cho dân cư và gia tăng phúc lợi xã hội.

Thứ ba, tiếp thu được những văn hoá tốt đẹp của nước ngoài từ đó có thể làm cho nền văn hóa việt nam thêm đa dạng

Thứ tư, tạo động lực cạnh tranh, kích thích ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, đổi mới cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý kinh tế; học hỏi kinh nghiệm quản lý từ các nước tiên tiến.

Thứ năm, tạo điều kiện cho Việt Nam tìm được một vị trí thích hợp trong trật tự thế giới mới, gia tăng uy tín và vị thế, tăng khả năng duy trì an ninh, hoà bình, ổn định và phát triển ở phạm vi khu vực thế giới.

Thứ sáu, gia tăng quan hệ ngoại giao với các nước trong và ngoài khu vực tạo được môi trường quốc tế thuận lợi, huy động được các nguồn lực bên ngoài nhưng vẫn mang đậm bản sắc “Cây tre Việt Nam”, “gốc vững, thân chắc, cành uyển chuyển”

2. Tiêu cực

Thứ nhất, tăng trưởng xuất khẩu nhanh nhưng chưa thực sự vững chắc, chất lượng tăng trưởng và hiệu quả xuất khẩu còn thấp, cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tuy đã chuyển dịch mạnh sang hàng chế biến, chế tạo, nhưng vẫn còn phụ thuộc nhiều vào doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; nhập siêu vẫn là nguy cơ, còn không ít bất cập trong cơ cấu nhập khẩu. Về cơ bản nền kinh tế vẫn dựa chủ yếu vào tăng trưởng thương mại, vào khai thác tài nguyên, khoáng sản, xuất khẩu hàng nông sản thô với hàm lượng chế biến thấp và gia công hàng hóa ở công đoạn thấp của chuỗi giá trị (dệt may, da giày, điện tử...)

Thứ hai, nhà nước quản lý kinh tế chủ yếu bằng mệnh lệnh hành chính dựa trên hệ thống chỉ tiêu, pháp lệnh chi tiết áp đặt từ trên xuống dưới. Vấn đề mà cả hai bên quan tâm đó là chạy theo và chạy đua với chỉ tiêu được ấn từ trên xuống. Ở giai đoạn này, kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể được coi trọng đặc biệt. Từ đó hạn chế sự phát triển của các thành phần kinh tế khác, kìm hãm sản xuất, làm giảm năng suất, chất lượng, triệt tiêu động lực kinh tế, lao động sáng tạo đối với người lao động, không kích thích tính năng động, sáng tạo của các đơn vị sản xuất kinh doanh.

Thứ ba, bộ máy quản lý công kênh, nhiều cấp trung gian . Bộ máy quản lý này vừa kém năng động vừa sinh ra đội ngũ kém năng lực, phong cách cửa quyền, quan liêu, nhưng lại được hưởng quyền lợi cao hơn người lao động. Hoạt động kinh tế kém hiệu quả. Trong thực tế, bộ máy nhà nước và doanh nghiệp quốc doanh còn xuất hiện tính tham ô.

Thứ tư, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung còn thấp, chịu sức cạnh tranh lớn từ doanh nghiệp nước ngoài, dẫn đến một số ngành trong nước bị ảnh hưởng do tác động của việc mở cửa thị trường, nhập khẩu tăng mạnh, song thu ngân sách từ thuế nhập khẩu bị giảm,... Năng suất lao động tăng chậm, thu hút đầu tư vẫn dựa vào lợi thế nhân công và chi phí mặt bằng rẻ, chi phí năng lượng thấp đã ảnh hưởng nhiều đến năng lực cạnh tranh của nền kinh tế cũng như của doanh nghiệp, sản phẩm.

III. Liên hệ hoạt động của bản thân

Áp dụng quan điểm toàn diện trong học tập: cần phải nắm bắt toàn diện những điều cần học rồi mới đưa ra phương pháp học thích hợp cho bản thân. Cụ thể là khi áp dụng quan điểm toàn diện thì ta sẽ đặt việc học tập vào các mối liên hệ khác nhau: cần học cái gì, khi nào thì học, học như thế nào, áp dụng ở đâu, áp dụng như thế nào.

Cần tích cực, chủ động nghiên cứu tìm ra được những mâu thuẫn trong mỗi sự vật, sự việc, hiện tượng để từ đó xác định được định hướng phát triển và những biện pháp giải quyết phù hợp.

Cần phải có sự nhìn nhận, đánh giá khách quan đối với sự vật hiện tượng, không được dao động trước những quanh co, những phức tạp của sự phát triển ở trong thực tiễn.

Biết chọn lọc, kế thừa những thuộc tính, những bộ phận còn hợp lý của cái cũ nhưng đồng thời loại bỏ những cái đã quá lạc hậu, cản trở và gây ảnh hưởng đến sự phát triển.

Việc vận dụng nguyên lý về sự phát triển trong học tập mang ý nghĩa rất quan trọng, đặc biệt với sinh viên để có thể phát triển và hoàn thiện bản thân.

Trong quá trình học tập cần phải phân biệt các mối liên hệ, phải chú ý đến các mối liên hệ bên trong, mối liên hệ bản chất, mối liên hệ chủ yếu, mối liên hệ tất nhiên để hiểu rõ về bản chất của sự vật và có phương pháp tác động phù hợp nhằm đem lại hiệu quả cao nhất trong sự phát triển của bản thân.

Trong nhận thức và hành động, chúng ta cần lưu ý tới sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các mối liên hệ ở những điều kiện xác định.

HẾT.